

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 161 lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp về việc quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu ngân sách tỉnh từ tiền sử dụng đất năm 2023 đối với các quỹ đất do tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu ngân sách tỉnh từ tiền sử dụng đất năm 2023 đối với các quỹ đất do tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 161 lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 254/TTr-STNMT ngày 20/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đấu giá quyền sử dụng đất đối với 161 lô đất ở tại các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, cụ thể như sau:

1. Danh mục, diện tích, vị trí và hạ tầng kỹ thuật khu đất đưa ra đấu giá

a) Danh mục loại đất: Quỹ đất đưa ra đấu giá là các lô đất ở tại các khu đất: Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn; Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn và Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát.

Tổng số lô đưa ra đấu giá: **161 lô**, tổng diện tích: **20.729,2 m²**. Trong đó:

- Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B), đoạn Km130+00-Km137+580 là **02 lô**, với tổng diện tích là: **240 m²**.

- Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D thành phố Quy Nhơn là **49 lô**, với tổng diện tích là: **4.977,3 m²**.

- Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, phục vụ dự án Đường trục khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00 – Km18+500) là **88 lô**, với tổng diện tích là: **9.958,9 m²**.

- Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi là **22 lô**, với tổng diện tích là: **5.553 m²**.

b) Vị trí, giới cận các lô đất: Theo hiện trạng khu đất, Bản đồ quy hoạch Tổng mặt bằng sử dụng đất được duyệt.

- c) Giá khởi điểm: Theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.
- d) Hạ tầng kỹ thuật khu đất: Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.
- đ) Tài sản gắn liền với đất: Không.

e) Các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 17/01/2017, Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 19/10/2022, Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 06/1/2017, Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/2/2020, Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/4/2018, Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 13/9/2019, Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 12/11/2020, Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 và Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và các Quyết định điều chỉnh quy hoạch xây dựng liên quan (nếu có).

(Chi tiết danh sách các lô đất như Phụ lục kèm theo)

2. Mục đích sử dụng đất, hình thức giao đất và thời hạn sử dụng đất

- a) Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
- b) Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá.
- c) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Thông tin về quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch đất ở.

4. Phương thức đấu giá: Đấu giá từng lô đất.

5. Tên, địa chỉ đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, địa chỉ: Số 20 đường Ngô Thời Nhiệm, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất nêu tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

DANH SÁCH 161 LÔ ĐẤT Ở TẠI CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN; KHU DÂN CƯ TẠI CỤM KHO BÃI DẠC QUỐC LỘ 1Đ THÀNH PHỐ QUY NHƠN; KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẠI PHƯỜNG NHƠN THÀNH, THỊ XÃ AN NHƠN VÀ KHU TÁI ĐỊNH CƯ THÔN TÂN THANH, XÃ CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
I. Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn phục vụ dự án đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B), đoạn Km130+00-Km137+580)						
1	Lô số 27	120	Khu Ổ-01	Đường ĐS1	14	
2	Lô số 28	120	Khu Ổ-01	Đường ĐS1	14	
	Tổng cộng	240				
II. Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1Đ						
1	Lô số 01	154,6	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
2	Lô số 02	150,6	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
3	Lô số 03	146,7	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
4	Lô số 04	142,7	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
5	Lô số 05	139,3	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
6	Lô số 06	136,4	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
7	Lô số 07	133,5	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
8	Lô số 08	130,6	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
9	Lô số 09	127,6	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
10	Lô số 10	124,7	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
11	Lô số 11	121,8	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
12	Lô số 12	118,9	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
13	Lô số 13	116,1	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	
14	Lô số 14	188,7	ĐỒ-4	Đường A4	17,5	Theo quy hoạch là lô góc, tuy nhiên hiện nay, phía Đông Bắc lô đất này tiếp giáp nhà dân hiện trạng
15	Lô số 02	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
16	Lô số 03	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
17	Lô số 05	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
18	Lô số 06	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
19	Lô số 07	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
20	Lô số 08	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
21	Lô số 09	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
22	Lô số 10	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
23	Lô số 11	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
24	Lô số 12	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	
25	Lô số 13	90	ĐỒ-8	Đường A5	13	

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
26	Lô số 14	90	ĐỎ-8	Đường A5	13	
27	Lô số 15	90	ĐỎ-8	Đường A5	13	
28	Lô số 16	90	ĐỎ-8	Đường A5	13	
29	Lô số 01	113,6	ĐỎ-10	Đường A4 và Đường Trạng Quỳnh	16 và 12	Lô góc
30	Lô số 15	80	ĐỎ-7	Đường A3	13	
31	Lô số 01	100	ĐỎ-5	Đường A1	20	
32	Lô số 02	100	ĐỎ-5	Đường A1	20	
33	Lô số 03	111,5	ĐỎ-5	Đường A1 và Đường A2	20 và 12	Lô góc
34	Lô số 04	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
35	Lô số 05	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
36	Lô số 06	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
37	Lô số 07	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
38	Lô số 08	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
39	Lô số 09	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
40	Lô số 10	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
41	Lô số 11	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
42	Lô số 12	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
43	Lô số 13	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
44	Lô số 14	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
45	Lô số 15	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
46	Lô số 16	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
47	Lô số 17	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
48	Lô số 18	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
49	Lô số 19	80	ĐỎ-5	Đường A2	12	
	Tổng cộng	4977,3				

III. Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, phục vụ dự án Đường trục khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00 – Km18+500)

1	Lô số 53đ1	80	ĐỎ-01	Đường ĐS1	13	
2	Lô số 53đ2	80	ĐỎ-01	Đường ĐS1	13	
3	Lô số 50đ1	80	ĐỎ-02	Đường Gò Găng - Cát Tiến (Quốc lộ 19B)	28	
4	Lô số 50đ2	80	ĐỎ-02	Đường Gò Găng - Cát Tiến (Quốc lộ 19B)	28	
5	Lô số 01	108	ĐỎ-02	Đường ĐS2	14,1	
6	Lô số 02	108	ĐỎ-02	Đường ĐS2	14,1	
7	Lô số 03	112	ĐỎ-02	Đường ĐS2	14,1 và 15	Lô góc
8	Lô số 04	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
9	Lô số 05	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
10	Lô số 06	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
11	Lô số 07	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
12	Lô số 08	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
13	Lô số 09	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
14	Lô số 10	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
15	Lô số 11	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	
16	Lô số 12	120	ĐỎ-02	Đường ĐS2	15	

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
17	Lô số 13	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
18	Lô số 14	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
19	Lô số 15	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
20	Lô số 16	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
21	Lô số 17	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
22	Lô số 18	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
23	Lô số 19	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
24	Lô số 20	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
25	Lô số 21	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
26	Lô số 22	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
27	Lô số 23	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
28	Lô số 24	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
29	Lô số 25	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
30	Lô số 26	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
31	Lô số 27	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
32	Lô số 28	120	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
33	Lô số 29	112	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15 và 15	Lô góc
34	Lô số 30	108	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
35	Lô số 31	108	ĐỒ-02	Đường ĐS2	15	
36	Lô số 01	228,08	ĐỒ-03	Đường ĐS2 và đường ĐS5	15 và 15	Lô góc
37	Lô số 02	180,41	ĐỒ-03	Đường ĐS5	15	
38	Lô số 03	114,41	ĐỒ-03	Đường ĐS5	15	
39	Lô số 04	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
40	Lô số 05	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
41	Lô số 06	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
42	Lô số 07	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
43	Lô số 08	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
44	Lô số 09	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
45	Lô số 10	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
46	Lô số 11	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
47	Lô số 12	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
48	Lô số 13	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
49	Lô số 14	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
50	Lô số 15	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
51	Lô số 16	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
52	Lô số 17	120	ĐỒ-03	Đường ĐS4	15	
53	Lô số 18	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
54	Lô số 19	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
55	Lô số 20	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
56	Lô số 21	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
57	Lô số 22	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
58	Lô số 23	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
59	Lô số 24	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
60	Lô số 25	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
61	Lô số 26	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
62	Lô số 27	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
63	Lô số 28	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
64	Lô số 29	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
65	Lô số 30	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
66	Lô số 31	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
67	Lô số 32	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
68	Lô số 33	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
69	Lô số 34	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
70	Lô số 35	120	ĐỒ-03	Đường ĐS2	15	
71	Lô số 01	90	ĐỒ-04	Đường ĐS5	15	
72	Lô số 02	90	ĐỒ-04	Đường ĐS5	15	
73	Lô số 03	90	ĐỒ-04	Đường ĐS5	15	
74	Lô số 04	90	ĐỒ-04	Đường ĐS5	15	

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Ghi chú
75	Lô số 05	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
76	Lô số 06	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
77	Lô số 07	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
78	Lô số 08	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
79	Lô số 09	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
80	Lô số 10	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
81	Lô số 11	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
82	Lô số 12	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
83	Lô số 13	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
84	Lô số 14	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
85	Lô số 15	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
86	Lô số 16	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
87	Lô số 17	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
88	Lô số 18	90	ĐỎ-04	Đường ĐS5	15	
Tổng cộng		9958,9				

IV. Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi

1	Lô số 11	257	OLK-06	Đường ĐS12 và Đường ĐS5	14 và 14	Lô góc
2	Lô số 12	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
3	Lô số 13	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
4	Lô số 14	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
5	Lô số 15	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
6	Lô số 16	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
7	Lô số 17	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
8	Lô số 18	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
9	Lô số 19	250	OLK-06	Đường ĐS5	14	
10	Lô số 20	269,5	OLK-06	Đường ĐS1 và Đường ĐS5	16 và 14	Lô góc
11	Lô số 8	250	OLK-07	Đường ĐS4	12	Lộ giới đường không bao gồm diện tích cây xanh cách ly
12	Lô số 9	250	OLK-07	Đường ĐS4	12	Lộ giới đường không bao gồm diện tích cây xanh cách ly
13	Lô số 11	269,5	OLK-07	Đường ĐS2 và Đường ĐS5	16 và 14	Lô góc
14	Lô số 12	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
15	Lô số 13	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
16	Lô số 14	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
17	Lô số 15	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
18	Lô số 16	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
19	Lô số 17	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
20	Lô số 18	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
21	Lô số 19	250	OLK-07	Đường ĐS5	14	
22	Lô số 20	257	OLK-07	Đường ĐS12 và Đường ĐS5	14 và 14	Lô góc
Tổng cộng		5553				